

---

## VAI TRÒ CỦA NĂNG LỰC THÔNG TIN ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC

**ThS. TRẦN DƯƠNG**

*Trung tâm Thông tin Thư viện Trường Đại học Hà Tĩnh*

**Tóm tắt:** *Lý giải về thuật ngữ năng lực thông tin. Vai trò của năng lực thông tin với sinh viên đại học trong việc nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển kỹ năng mềm, hiểu biết về các lĩnh vực trong cuộc sống.*

**Từ khóa:** *Năng lực thông tin, học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm.*

Trước những yêu cầu đổi mới toàn diện nền giáo dục ở bậc đại học thì việc đào tạo theo hình thức tín chỉ là phương pháp đào tạo có nhiều ưu thế so với phương thức đào tạo truyền thống. Việc áp dụng hình thức này sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mỗi trường là vấn đề lớn và khó đối với cán bộ quản lý, những người đang giảng dạy và cả sinh viên. Tuy có những bất cập nhưng việc lấy sinh viên làm trọng tâm để phát huy khả năng tự học của sinh viên theo chương trình đạo theo tín chỉ thì có thể nói rằng việc học theo tín chỉ là một trong những biện pháp mang lại hiệu quả giúp cho sinh viên phát huy khả năng tự học, tự tích lũy kiến thức của mình thông qua sự hiểu biết về năng lực thông tin (NLTT).

NLTT là kỹ năng then chốt, nó cần thiết trong việc nghiên cứu bất kỳ lĩnh vực nào. Đó là điều kiện tiên quyết cho việc học tập suốt đời và cho phép người học tham gia một cách chủ động và có phê phán vào nội dung học tập và mở rộng việc nghiên cứu, trở thành người có khả năng tự định hướng, tự kiểm soát tốt hơn quá trình học của mình. Khi mà các trường đại học ngày càng có xu hướng lồng ghép việc phát triển và đánh giá các kỹ năng này vào việc đào tạo ở bậc đại học, NLTT cung cấp một công thông tin cho việc phát triển các kỹ năng khác. NLTT đã nổi lên như một vấn đề quan trọng trong việc đào tạo sinh viên, đặc biệt là cho những người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau [3]. Ngày nay, NLTT không chỉ là vấn đề riêng của ngành thông tin - thư viện, mà nó đã trở thành vấn đề cấp thiết của thế kỷ 21, và đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực giáo dục đại học. Có thể khái quát rằng: NLTT giúp chúng ta có khả năng tốt hơn để nhận biết nhu cầu thông tin, khai thác và sử dụng thông tin một cách hiệu quả.

### **1. Khái niệm về năng lực thông tin**

Thuật ngữ “năng lực thông tin” (Information Literacy) được các nước phát triển trên thế giới sử dụng nhiều và xuất hiện lần đầu tiên ở Hoa Kỳ vào những năm 70 của thế kỷ 20 [5]. Khái niệm đó cũng được một số nước phát triển khác sử dụng như Australian, New Zealand [7]. Ban đầu, khái niệm NLTT gắn liền với việc giải quyết vấn đề khủng hoảng và bùng nổ thông tin, được mô tả như một tập hợp các kỹ năng thu thập và xử lý thông tin. Đến năm 1987, khái niệm này được mở rộng và xem như một khái niệm về “cách thức học tập” và “học tập suốt đời”.

Hiện nay, khi bàn về khái niệm năng lực thông tin ở mỗi nước, mỗi tổ chức lại đưa ra những định nghĩa, quan niệm khác nhau:

Theo UNESCO: “*Năng lực thông tin là sự kết hợp của kiến thức, sự hiểu biết, các kỹ năng và thái độ mà mỗi thành viên cần hội tụ đầy đủ trong xã hội thông tin. Khi mỗi cá nhân có NLTT thì họ sẽ phát triển khả năng lựa chọn, đánh giá, sử dụng và trình bày thông tin một cách hiệu quả*” [9, tr.10].

Theo Hiệp hội Thư viện đại học và Thư viện nghiên cứu Hoa Kỳ (ACRL, 2000): “*Năng lực thông tin là một tập hợp các khả năng đòi hỏi cá nhân để nhận ra khi thông tin là cần thiết và có khả năng xác định vị trí, đánh giá và sử dụng có hiệu quả các thông tin cần thiết*” [8, tr.3].

Theo Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ (ALA): “*Năng lực thông tin là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được*” [6, tr.2].

Viện Năng lực thông tin Úc và New Zealand thì cho rằng, một người có NLTT là người có khả năng [7, tr.3-4]:

- Nhận dạng được nhu cầu tin của bản thân;
- Xác định được phạm vi của thông tin mà mình cần;
- Thẩm định thông tin và nguồn của chúng một cách tích cực và hiệu quả;
- Phân loại, lưu trữ, vận dụng và tái tạo nguồn thông tin được thu thập hay tạo ra;
- Biện nguồn thông tin được lựa chọn thành cơ sở tri thức;
- Sử dụng thông tin vào việc học tập, tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề, và ra quyết định một cách có hiệu quả;
- Nắm bắt được các khía cạnh kinh tế, pháp luật, chính trị và văn hóa trong việc sử dụng thông tin;
- Truy cập và sử dụng các nguồn thông tin hợp pháp và hợp đạo đức;
- Sử dụng thông tin và tri thức để thực hiện các quyền công dân và trách nhiệm xã hội;
- Trải nghiệm NLTT như một phần của học tập độc lập cũng như tự học suốt đời.

“Năng lực thông tin” trong tiếng Việt đôi khi còn được gọi là kỹ năng thông tin, hiểu biết thông tin. Gần đây, ở Việt Nam trên các diễn đàn, các tạp chí chuyên ngành đã có một số tác giả nghiên cứu về “Năng lực thông tin”. Các khái niệm đã sử dụng trên có cùng nội hàm và được sử dụng nhiều trong các bài viết.

Qua tìm hiểu các tài liệu liên quan, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các tác giả đều có một điểm chung là xem NLTT là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin, khả năng định vị, tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin cũng như thái độ sẵn sàng chia sẻ thông tin với mọi người.

## **2. Vai trò của năng lực thông tin đối với sinh viên**

### **2.1. Nâng cao chất lượng học tập**

Ở Việt Nam hiện nay, trong quá trình chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục bậc đại học đòi hỏi người học phải có NLTT để phục vụ yêu cầu học tập của bản thân. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, ban

chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1996) đã khẳng định: “Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục đào tạo... bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học; phát triển mạnh mẽ phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên”.

Theo UNESCO đã khái quát: “*Giáo dục là yếu tố cơ bản của phát triển bền vững, giúp nâng cao khả năng của mọi người trong việc biến tầm nhìn thành hành động thực tế. Giáo dục vì phát triển bền vững dạy mỗi cá nhân cách ra quyết định trong đó có xem xét những yếu tố mang tính chất dài hạn về mặt kinh tế, sinh thái và công bằng cho tất cả cộng đồng*” [3, tr.219]. Điều đó đã khẳng định giáo dục vừa công cụ vừa là yếu tố quan trọng nhất đối với sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của một quốc gia. Một cộng đồng có NLTT không chỉ tìm kiếm thông tin - những kiến thức mới mà còn tạo ra thông tin mới và tham gia vào quá trình đào tạo.

Để nâng cao chất lượng học tập trong giáo dục đòi hỏi phải thay đổi phương pháp dạy và học của ngành giáo dục và giáo dục đại học nói riêng. Để làm được điều đó giảng viên phải có phương pháp giảng dạy đổi mới, sinh viên sẽ phải tích cực, chủ động hơn trong học tập. Sinh viên không chỉ đơn thuần là nghe giảng trên lớp, mà các em cần phải nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu để tích lũy được kiến thức. Cùng với phần lớn thời gian ngồi học trong lớp, sinh viên sẽ phải tự học, tự nghiên cứu ở thư viện, tại nhà hoặc bất cứ nơi đâu. Theo Hiệp hội các thư viện chuyên ngành và các trường đại học Hoa Kỳ đã khẳng định người có NLTT là người đã học được cách thức để học. Họ biết cách học bởi họ nắm được phương thức tổ chức tri thức, tìm kiếm thông tin và sử dụng thông tin, do đó những người khác có thể học tập được từ họ. Họ là những người đã được chuẩn bị cho khả năng học tập suốt đời, bởi lẽ họ luôn tìm được thông tin cần thiết cho bất kỳ nhiệm vụ hoặc quyết định nào một cách chủ động [1]. Điều đó chứng tỏ rằng NLTT có vai trò đặc biệt đối với việc nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

NLTT gắn liền với khả năng học tập suốt đời của xã hội nói chung và sinh viên nói riêng. Người có NLTT là người đã được trang bị những kỹ năng cần thiết để ở bất cứ đâu, trong bất cứ điều kiện nào họ cũng có thể tự mình học tập, nghiên cứu để giải quyết nhiệm vụ, sáng tạo ra những tri thức mới. Trong xã hội ngày nay, yêu cầu đối với mỗi người là phải có khả năng độc lập cao để thích nghi và đáp ứng những đòi hỏi của học tập, lao động và NLTT là nền tảng cho sự phát triển độc lập đó.

NLTT giúp sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập. Sinh viên không thể chủ động trong học tập nếu các em không có khả năng phát hiện, tìm cách giải quyết các vấn đề học tập, mà việc giải quyết vấn đề cần phải thông qua sử dụng thông tin, tri thức. Vì vậy, NLTT sẽ giúp sinh viên đạt được những thông tin mình cần và biết cách sử dụng thông tin đó một cách hiệu quả, giúp các em chủ động trong học tập để giải quyết các vấn đề liên quan và tạo ra kiến thức mới.

## **2.2. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học**

Nghiên cứu khoa học là một hoạt động xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu nhận thức và cải tạo thế giới, khám phá những thuộc tính bản chất của sự vật hoặc hiện tượng,

phát hiện quy luật vận động của sự vật và vận dụng quy luật để sáng tạo giải pháp tác động vào sự vật.

Cùng với đào tạo, NCKH được xem là thước đo chất lượng của GD&ĐT và kinh tế tri thức của một quốc gia. Hoạt động NCKH trong hệ thống giáo dục đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển khoa học – công nghệ vì đó là động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá của đất nước. Quá trình NCKH sẽ giúp cho NDT tiếp thu thêm những tri thức mới, khám phá những vấn đề mới, khía cạnh mới về lý luận và thực tiễn. Chính vì vậy, NLTT đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc rèn luyện cho sinh viên khả năng NCKH và nâng cao chất lượng NCKH. Tuy nhiên, hiệu quả các công trình NCKH ở nước ta chưa cao, theo tác giả Nghiêm Xuân Huy là do ba nguyên nhân chính sau: nội dung nghiên cứu đã quá lỗi thời, quá giáo điều, không sát thực tế; dữ liệu phục vụ nghiên cứu không toàn diện và cập nhật; phương pháp nghiên cứu thiếu tính khoa học [1]. Các nguyên nhân trên đều bắt nguồn từ việc thiếu NLTT.

Sự bùng nổ thông tin hiện nay khiến cho thế giới thông tin trở nên phức tạp và hỗn loạn. Đối với người nghiên cứu khoa học nói chung và sinh viên khi làm NCKH, các công trình NCKH phải đảm bảo tính mới mẽ, tính thông tin, tính khách quan, tính tin cậy và tính kế thừa. Để đảm bảo những đặc trưng khi thực hiện đề tài sinh viên phải có NLTT. NLTT trở thành chìa khóa để sinh viên làm chủ được kho tàng tri thức của nhân loại.

Những đặc điểm quan trọng của sinh viên có NLTT là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân mình, nghĩa là họ dễ dàng xác định được vấn đề mình đang thực sự quan tâm cũng như phân tích, diễn đạt chúng thành các thuật ngữ tìm kiếm thông tin. Nói cách khác, họ phải làm chủ được lĩnh vực mình quan tâm và có khả năng trình bày các nội dung cụ thể. Đây được xem là một lợi thế của sinh viên, vì họ là những người được đào tạo bài bản, trải qua các khóa đào tạo về phương pháp nghiên cứu cụ thể. Trong NCKH ngoài kiến thức chuyên môn vững vàng người nghiên cứu phải có thông tin đầy đủ và khách quan, tạo ra tính mới tránh sự trùng lặp. Vì thế, họ cần phải biết cách khai thác và sử dụng thông tin hiệu quả - đó là NLTT.

Ngày nay, khi khoa học và công nghệ phát triển, có nhiều cái mới nảy sinh trong khoa học, xu thế khoa học liên ngành luôn được quan tâm. Chính điều đó đòi hỏi sinh viên phải tiếp cận với nhiều nguồn thông tin khác nhau ở nhiều lĩnh vực. Việc NCKH ngày càng đòi hỏi cao và phức tạp trước khối lượng thông tin vô cùng lớn, nhất là sự bùng nổ thông tin trực tuyến. Đứng trước sự tiếp cận thông tin nhiều như vậy, sinh viên nghiên cứu phải chọn lọc thông tin tin cậy, có giá trị và phù hợp với yêu cầu đề tài. Nếu sinh viên có NLTT sẽ giúp họ biết kỹ năng khai thác, phân tích, đánh giá, tổng hợp, và sử dụng thông tin hiệu quả.

Khi NCKH một đòi hỏi đối với người làm nghiên cứu đó là khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập. Tùy theo những yêu cầu mà vận dụng khả năng này vào làm việc rõ ràng, cùng làm việc song song hay độc lập. Nói đến NLTT, ngoài kỹ năng làm việc độc lập, thì làm việc nhóm trong NCKH sinh viên phải có khả năng chia sẻ

thông tin, phân tích và tổng hợp kiến thức, qua đó tiếp cận những tri thức mới từ các thành viên khác trong nhóm [1].

Phát triển NLTT còn giúp cho sinh viên nâng cao nghiên cứu - đạo đức nghề nghiệp. Đây là vấn đề luôn được các nhà NCKH quan tâm về vấn đề “chất xám” trong nền kinh tế tri thức. NCKH luôn đòi hỏi cái mới và mang tính kế thừa của những nghiên cứu trước đó. Trong NCKH đòi hỏi một lượng thông tin lớn giúp cho việc trích dẫn, tham khảo trong đề tài. Để tránh tình trạng đạo văn hay cách trích dẫn đảm bảo tính thông tin trong làm khoa học, điều đó sinh viên cần phải có thông tin các nguồn tài liệu trích dẫn đầy đủ. Để làm được điều này, người nghiên cứu phải có hiểu biết về pháp luật, luật bản quyền, luật sở hữu trí tuệ, đạo đức nghề nghiệp. Chính NLTT sẽ giúp họ làm tốt được vấn đề này. Thực tế chứng tỏ rằng, NLTT giúp cho sinh viên có thái độ nghiêm túc, giúp họ tránh được những vi phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, đạo đức NCKH [1, 2].

Như vậy, để có những sản phẩm, những công trình khoa học chất lượng ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội đòi hỏi sinh viên phải thực hiện quá trình nghiên cứu một cách nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm cao. NLTT là một trong những công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả giúp hoạt động NCKH diễn ra một cách thường xuyên và thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, rút ngắn quá trình ứng dụng khoa học vào thực tiễn.

### **2.3. Trợ giúp giải quyết các vấn đề khác**

#### *\* Năng lực thông tin với việc phát triển kỹ năng mềm*

Kỹ năng mềm là khả năng ứng xử, nhạy bén với công việc và giải quyết khó khăn một cách nhanh nhất có thể, hạn chế tối đa những rủi ro công việc mà những điều này giảng đường đại học không thể truyền đạt cho sinh viên. Không những thế, kỹ năng mềm còn là nghệ thuật ứng xử của bạn với các đồng nghiệp, cộng sự; với cấp trên và với tất cả mọi người mà bạn quen biết. Nó sẽ giúp cho những mối quan hệ của bạn trở nên tốt đẹp.

Hiện nay, đào tạo theo xu hướng nhu cầu lao động của xã hội cho thấy, trình độ học vấn và bằng cấp chưa đủ để quyết định việc tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như người sử dụng lao động. Vậy đâu là điều kiện đủ? Kỹ năng “mềm” là câu trả lời được cho là chính xác và đầy đủ nhất trong thời đại mà môi trường làm việc ngày càng năng động, nhiều sức ép và tính cạnh tranh cao như hiện nay. Kinixti - Học giả Mỹ đã khẳng định: “Sự thành công của mỗi người chỉ có 15% là dựa vào kỹ thuật chuyên ngành, còn 85% là dựa vào những quan hệ giao tiếp và tài năng xử thế của người đó”.

Khi sinh viên có NLTT họ sẽ phát triển kỹ năng mềm trong mọi hoạt động của mình. Kỹ năng mềm giúp sinh viên các khả năng như: Khả năng thích nghi nhanh, nhún nhường và nhẫn nại, cập nhật thông tin, tự quản thời gian, kỹ năng xử trí xung đột, kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng về máy móc công nghệ, khả năng lãnh đạo, khả năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập.

*\* Năng lực thông tin với việc hiểu biết về các lĩnh vực trong cuộc sống*

Để hiểu biết về các lĩnh vực như kinh tế, pháp luật, các vấn đề xã hội xung quanh sử dụng thông tin và truy cập, sử dụng thông tin đúng cách, đúng luật sinh viên cần phải có NLTT.

NLTT giúp sinh viên hiểu được quy cách, luật pháp và các vấn đề kinh tế, xã hội xung quanh thông tin và CNTT. Đặc biệt hiểu biết về các vấn đề của luật bản quyền, luật sở hữu trí tuệ.

NLTT giúp sinh viên có ý thức làm theo luật pháp, theo các quy tắc, chính sách của các tổ chức xã hội và quy ước nghề nghiệp, có liên quan đến việc truy cập và sử dụng thông tin, vận dụng tri thức vào cuộc sống.

NLTT giúp sinh viên biết nhìn nhận việc sử dụng thông tin trong việc truyền bá các sản phẩm hoặc thuyết trình về một vấn đề nhất định.

NLTT của sinh viên là sự tổng hợp của rất nhiều yếu tố. Nó không những trực tiếp quyết định đến chất lượng học tập, NCKH của sinh viên trong nhà trường mà còn khả năng hỗ trợ, năng lực tự học, hiểu biết kiến thức ngoài nhà trường. NLTT giúp sinh viên hoàn thiện mình hơn trong cuộc sống, trong xã hội kinh tế tri thức.

## **KẾT LUẬN**

Mục tiêu của giáo dục Việt Nam là trong một tương lai không xa sẽ phấn đấu đuổi kịp và đạt trình độ khu vực và thế giới. Để làm được điều này không còn con đường nào khác hơn là không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Một trong những giải pháp hết sức cơ bản và cấp thiết là phải xây dựng được một nền tảng chiến lược phát triển NLTT cho sinh viên không những cho những năm trên giảng đường đại học mà còn cho việc học tập suốt đời. Có như vậy, chúng ta mới hy vọng trong một tương lai không xa chúng ta sẽ cho ra thị trường lao động một lớp người lao động không những có trình độ chuyên môn cao mà còn có NLTT để có thể đáp ứng với nhu cầu phát triển của xã hội cũng như đáp ứng được nhu cầu học tập suốt đời của một con người trong xã hội bùng nổ thông tin như hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nghiêm Xuân Huy (2010), “Vai trò của kiến thức thông tin đối với cán bộ nghiên cứu khoa học”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 23 (3), tr. 13 - 18.
- [2]. Trương Đại Lượng (2014), “Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 46 (2), tr. 18 - 23.
- [3]. Vũ Thị Nha (lược dịch) (2007), “Lồng ghép kiến thức thông tin vào môn học ở bậc học đại học thông qua mối quan hệ giữa thư viện và giảng viện”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 11 (3) tr. 49 - 58.
- [4]. Vũ Thị Nha dịch (2009), “Phát triển chiến lược nhằm nâng cao kiến thức thông tin và triển khai các dịch vụ thư viện năng động: Một số gợi ý cho Lào”, *Đại hội cán bộ thư viện các nước Đông Nam Á lần thứ 14 - Consal XIV*, tr. 216 - 226.
- [5]. Nguyễn Hoàng Sơn (2001), “Tìm hiểu khái niệm kiến thức thông tin góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo cử nhân chuyên ngành Khoa học Thông tin – Thư viện”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành Thông tin – Thư viện lần thứ nhất*, tr. 86 - 109.
- [6]. ALA (2000), *Information Literacy Competency Standards for Higher Education*, American Library Association, Chicago, 16p.
- [7]. Alan Bundy ed. (2004), *Australian and New Zealand Information Literacy Framework: principles, standards and practice*, 2nd ed, Adelaide: Australian and New Zealand Institute for Information Literacy, 48 p.
- [8]. G E Gorman, Daniel G Dorner (2006), “Information Literacy Education in Asian Developing Countries: Cultural Factors Affecting Curriculum Development and Programme Delivery”, *World Library and Information Congress: 72nd IFLA General conference and Council*, 19p.
- [9]. UNESCO (2005), *Development of Information Literacy through School Libraries in South-East Asian Countries (IFAP Project 461RAS5027)*, Bangkok, 12p.

### **TITLE: ROLE OF INFORMATION LITERACY FOR UNIVERSITY STUDENTS**

**Summary:** *This paper aims at explaining the term “information literacy”, the role of information literacy with university students in the improvement of learning quality, scientific research, soft skills and real life knowledge.*

**Keywords:** *information literacy, education, scientific research, soft skills.*

Học hàm, học vị. Thạc sĩ

Tên cơ quan: Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Hà Tĩnh

ĐT: 0988 788 136

Email: [duong.tran@htu.edu.vn](mailto:duong.tran@htu.edu.vn)